

BÁO CÁO

**Về việc báo cáo tác động của chính sách đất đai
trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Cát Tiên**

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng

1. Tổng quan về vùng đồng bào dân tộc thiểu số của địa phương

- Theo số liệu Báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2023, huyện Cát Tiên có tổng diện tích tự nhiên 42.670,65 ha, Trong đó: Đất nông nghiệp: 40.420,38 ha (*đất sản xuất nông nghiệp 13.319,01 ha, đất hàng năm 6.371,58 ha, đất hàng năm khác 1.617,57 ha, đất trồng cây lâu năm 6.947,43 ha, đất trồng lúa 4.754 ha đất lâm nghiệp 26.992,56 ha...*); đất phi nông nghiệp: 2.165,52 ha (*đất ở 299,19 ha; đất chuyên dùng 967,5 ha...*).

- Dân số toàn huyện là 10.272 hộ/35.970 khẩu, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số (ĐBDTTS) có 2.145 hộ/8.659 khẩu, chiếm 20,88% dân số toàn huyện; bao gồm 20 dân tộc thiểu số: Tày: 757 hộ/3044 khẩu; Nùng: 620 hộ/2273 khẩu; Mạ: 566 hộ/2254 khẩu; X'Tiêng: 112 hộ/463 khẩu; Dao: 76 hộ/304 khẩu; H'Mông: 51 hộ/210 khẩu; Mường: 40 hộ/143 khẩu; Sán Dìu: 19 hộ/74 khẩu; Thái: 14/45 khẩu; Khơ Me: 8 hộ/29 khẩu; Hoa: 5 hộ/33 khẩu; Cơ Ho: 7 hộ/25 khẩu; Sán Chay: 16 hộ/49 khẩu; M'Nông: 3 hộ/13 khẩu; Ê Đê: 1 hộ/ 6 khẩu; Gia Rai: 1 hộ/ 5 khẩu; Ba Na: 1 hộ/1 khẩu; ChRo: 1 khẩu; Thổ: 1 hộ/4 khẩu; Giẻ Triêng: 1 khẩu. Dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên chiếm 30,3% dân tộc thiểu số toàn huyện, 7,55% dân số toàn huyện.

- Đồng bào các dân tộc thiểu số sống tập trung thành thôn bản ở 29 thôn, bản thuộc 8 xã, thị trấn; đồng bào dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên (dân tộc thiểu số tại chỗ) gồm 2 dân tộc Mạ và X'Tiêng sống tập trung ở 01 xã và 7 thôn/5 xã (Tiên Hoàng, Gia Viễn, Phước Cát 2, thị trấn Phước Cát, thị trấn Cát Tiên). Huyện có 03 xã, 01 thị trấn thuộc vùng DTTS và miền núi và có 08 thôn, tổ dân phố có tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên 15% nằm ngoài xã, thị trấn vùng dân tộc thiểu số; các xã trên địa bàn huyện thuộc khu vực I và đã đạt chuẩn nông thôn mới; huyện đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Tình hình và nhu cầu bố trí đất sinh hoạt cộng đồng

Toàn huyện có 39 nhà sinh hoạt cộng đồng dùng để hội họp và các hoạt động khác phù hợp với phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư ở địa phương trong vùng dân tộc thiểu số với diện tích 40.168,7 m². Tuy nhiên, hiện còn 01 nhà sinh hoạt cộng đồng thuộc tổ dân phố 10, thị trấn Cát Tiên chưa được xây dựng. Theo Quyết định quy hoạch sử dụng đất huyện Cát Tiên đến năm 2030 dự kiến xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố 10, thị trấn Cát Tiên trên quỹ đất công (đường Lô 2) diện tích 1.184 m², thuộc tờ bản đồ số 03.

(Kèm theo biểu số 01, 02).

3. Tình hình thực hiện chính sách đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện

- Dân số toàn huyện 10.272 hộ; trong đó: hộ đồng bào dân tộc thiểu số 2.145 hộ; trong đó: hộ nghèo 155 hộ (hộ nghèo DTTS 63 hộ, chiếm tỷ lệ 2,94%); hộ cận nghèo 189 hộ (hộ cận nghèo DTTS 78 hộ chiếm tỷ lệ 3,64%).

- Kết quả rà soát:

+ Hộ nghèo DTTS thiếu đất ở 10 trường hợp, hộ nghèo DTTS thiếu đất sản xuất nông nghiệp 10 trường hợp, trong đó: 06 hộ hỗ trợ đất ở (đất công) diện tích 600 m² (thuộc thôn 6, xã Tiên Hoàng; Bản Buôn Go, thị trấn Cát Tiên); 02 hộ hỗ trợ đất sản xuất nông nghiệp (đất công do UBND xã quản lý) 6.000 m² (thuộc thôn 6, xã Tiên Hoàng). Còn lại 04 hộ hỗ trợ mua đất ở xen ghép với khu dân cư (thuộc xã Phước Cát 2, Gia Viễn) x 46.000.000 đồng = 184.000.000 đồng; 08 hộ hỗ trợ mua đất sản xuất nông nghiệp hoặc chuyển đổi nghề (thuộc xã Phước Cát 2, Gia Viễn, thị trấn Cát Tiên) x 22.500.000 đồng = 180.000.000 đồng.

+ Hộ cận nghèo thiếu đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Không có.

- Nhu cầu cần bố trí, hỗ trợ đất đai là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc quỹ đất công do UBND xã, thị trấn quản lý đã bố trí giai đoạn 2021-2025; quỹ đất công còn lại để bố trí đến năm 2030 là 8.200 m², trong đó: đất ở 5.200 m², đất sản xuất nông nghiệp 3.000 m²; các hộ còn lại hỗ trợ kinh phí để mua đất ở xen ghép với khu dân cư, đất sản xuất nông nghiệp hoặc chuyển đổi nghề từ ngân sách nhà nước và vốn vay của Ngân hàng Chính sách - Xã hội huyện và nguồn kinh phí khác.

(Kèm theo phụ biểu số 03).

- Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 1 Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh Lâm Đồng “về hạn mức giao đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số **nghèo** sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai năm

2024 quy định “có chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu cho cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện **hộ nghèo, hộ cận nghèo** tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi...”. Do đó, đối tượng hỗ trợ giữa Luật Đất đai 2024 và Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh chưa đồng bộ. Đồng thời, theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo đó huyện Cát Tiên có 04 xã, thị trấn (Phước Cát 2, Đồng Nai Thượng, Nam Ninh, thị trấn Phước Cát). Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt điều chỉnh bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, trong đó bổ sung thêm 08 thôn thuộc 04 xã, thị trấn (Tiên Hoàng, Đức Phổ, Gia Viễn, thị trấn Cát Tiên). Như vậy, số đối tượng được thụ hưởng chính sách theo Luật Đất đai năm 2024 trên địa bàn huyện sẽ tăng lên so với thời điểm hiện tại.

Trên đây là Báo cáo tác động của chính sách đất đai trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Cát Tiên./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Văn

Biểu 1. Tình hình giao đất, bố trí đất sinh hoạt cộng đồng từ trước tới nay
 (Kèm theo Báo cáo số: 521/BC-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2024 của UBND huyện Cát Tiên)

STT	Xã/thị trấn	Thôn	Tên công trình đã bố trí	Diện tích (m2)	Số thửa	Tờ bản đồ
1	Xã Phước Cát 2	thôn Phước Hải	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Phước Hải	1.282,0	115	8
		thôn Phước Sơn	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Phước Sơn	1.268,0	186	7
		thôn Vĩnh Ninh	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Vĩnh Ninh	750,0	89	17
		thôn Phước Trung	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Phước Trung	335,0	525	11
		thôn 3	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 3	1.714,3	150	33
		thôn 4	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 4	611,8	203	29
		thôn Phước Thái	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Phước Thái	2.406,0	392	4
2	Xã Nam Ninh	thôn Mỹ Trung	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Mỹ Nam	642,4	853	39
		thôn Mỹ Điền	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Mỹ Nam	1.106,0	567	43
		thôn Mỹ Thủy	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Mỹ Nam	314,4	426	42
		thôn Mỹ Bắc	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Mỹ Bắc	500,0	621	37
		thôn Mỹ Hợp	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Mỹ Bắc	800,0	374	35
		thôn Ninh Thủy	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ninh Hạ	407,0	936	06
		thôn Ninh Hải	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ninh Hạ	533,0	901	03
		thôn Ninh Hậu	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ninh Hạ	322,0	369	03
		thôn Ninh Trung	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ninh Hạ	375,0	561	01
		thôn Ninh Thượng	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ninh Đại	438,0	1432	02
		thôn Ninh Đại	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ninh Đại	756,0	1355	02
		thôn Ninh Hạ	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ninh Hạ	510,0	1769	05
3	Xã Đồng Nai Thượng	thôn Bù Gia Rá	Nhà VH thôn Bù Gia Rá	600,0	37	13
		thôn Bù Sa	Nhà VH thôn Bù Sa	486,0	20	18
		thôn Bì Nao	Nhà VH thôn Bì Nao	600,0	39	15
		thôn Dạ Cọ	Nhà VH thôn Dạ Cọ	400,0	4	24
		thôn Bê Đê	Nhà VH thôn Bê Đê	308,0	136	23
4	TT Phước Cát	tổ dân phố 9	Nhà văn hóa thôn Cát Điền	375,0	578	5

		tổ dân phố 7	Nhà văn hóa thôn Cát lương 1	359,0	60	7
			Nhà văn hóa thôn Cát lương 2	144,0	89	8
			Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố 7	1.833,0	558	7
		tổ dân phố 4	Nhà văn hóa thôn Cát lâm 1	500,3	283	11
		tổ dân phố 5	Nhà văn hóa thôn Cát lâm 2	185,5	463	10
		tổ dân phố 6	Nhà văn hóa thôn Cát lâm 3	396,0	10	11
		tổ dân phố 1	Nhà văn hóa thôn Cát An 2	350,0	653	15
5	Xã Tiên Hoàng	Thôn 6	Nhà văn hóa thôn 6	12.000,0	1030	6
6	Xã Đức Phổ	Thôn 4	Nhà văn hóa thôn 4	2.814,0	215	10
7	Xã Gia Viễn	Thôn Trung Hưng	Nhà văn hóa thôn Trung Hưng	119,0	750	8
		Bản Brun	Nhà văn hóa Bản Brun	558,0	60	17
8	TT Cát Tiên	Bản Buôn Go	Nhà văn hóa Bản Buôn Go	2.290,0	13	26
		Tổ dân phố 4	Nhà văn hóa tổ dân phố 4	301,0	92	18
		Tổ dân phố 10	Nhà văn hóa tổ dân phố 10	1.184,0		3
		Tổ dân phố 14	Nhà văn hóa tổ dân phố 14	479,0	313	45
	Tổng cộng			41.352,7		

Biểu 2 Nhu cầu cần giao đất, bố trí đất sinh hoạt cộng đồng đến năm 2030
(Kèm theo Báo cáo số 524/BC-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2024 của UBND huyện Cát Tiên)

(Kèm theo Báo cáo số 524/BC-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2024 của UBND huyện Cát Tiên)

[illegible]



Biểu 3 Nhu cầu bố trí, hỗ trợ đất đai năm 2030

(Kèm theo Báo cáo số 624/BC-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2024 của UBND huyện Cát Tiên)

STT	xã/thị trấn	Thôn	Trường hợp cần bố trí		Diện tích cần bố trí (m2)		Quỹ đất dự kiến bố trí	Nguồn vốn dự kiến
			Đất ở	Đất SXNN	Đất ở	Đất SXNN		
I	Theo QĐ 861/QĐ-TTg							
1	Xã Phước Cát 2	thôn Sơn Hải	1	1	100	3.000		68.500.000
		thôn Phước Sơn						
		thôn Vĩnh Ninh						
		thôn Phước Trung						
		thôn 3		1		3.000		22.500.000
		thôn 4	2		200			92.000.000
		thôn Phước Thái		1	100	3.000		22.500.000
2	Xã Nam Ninh	thôn Mỹ Nam						
		thôn Mỹ Bắc						
		thôn Ninh Hạ						
		thôn Ninh Đại						
		thôn Ninh Hậu						
		thôn Ninh Trung						
3	Xã Đồng Nai Thượng	thôn Bù Gia Rá						
		thôn Bù Sa						
		thôn Bì Nao						
		thôn Đạ Cọ						
		thôn Bê Đê						
4	TT Phước Cát	tổ dân phố 9						
		tổ dân phố 7						
		tổ dân phố 4						

		tổ dân phố 5						
		tổ dân phố 6						
		tổ dân phố 1						
II	Theo QĐ 497/QĐ-UBND							
5	Xã Tiên Hoàng	Thôn 6	4	2	400	6.000	6.400	
6	Xã Đức Phổ	Thôn 4						
7	Xã Gia Viễn	Thôn Trung Hưng	1	1	100	3.000		68.500.000
		Bản Brun						
8	TT Cát Tiên	Bản Buôn Go	2	4	200	1.200	200	90.000.000
		Tổ dân phố 4						
		Tổ dân phố 10						
		Tổ dân phố 14						
	Tổng cộng		10	10	1.100	19.200	6.600	364.000.000